




Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN -
SÔNG HÌNH**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 29

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Phan Hồng Quán	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên
Ông Trần Mạnh Hữu	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH
Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty đã được Hội đồng Quản trị xem xét và thông qua.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Võ Thành Trung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

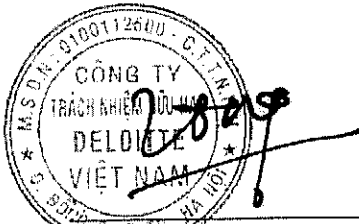
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2015, từ trang 4 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 28 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện giữa Công ty và Tổ hợp nhà thầu Hydro China Huadong - CR 18G. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Tùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1941-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		815.921.054.375	987.069.741.251
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	56.178.340.149	229.958.976.756
1. Tiền	111		1.178.340.149	21.458.976.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	208.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		335.000.000.000	32.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	335.000.000.000	32.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		374.718.428.912	687.752.645.714
1. Phải thu khách hàng	131		263.289.402.748	481.870.055.348
2. Trả trước cho người bán	132	7	85.815.514.468	196.934.521.286
3. Các khoản phải thu khác	135	8	25.613.511.696	8.948.069.080
IV. Hàng tồn kho	140	9	43.037.368.585	36.358.354.620
1. Hàng tồn kho	141		49.735.003.023	43.055.989.058
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.697.634.438)	(6.697.634.438)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.986.916.729	999.764.161
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	38.800.910
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.750.258	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		6.152.124.842	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		829.041.629	960.963.251
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		3.068.018.555.365	2.652.478.281.646
I. Tài sản cố định	220		3.053.548.159.466	2.637.199.701.620
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	829.864.192.281	861.745.079.453
- Nguyên giá	222		2.993.662.064.701	2.986.330.074.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.163.797.872.420)	(2.124.584.995.248)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	2.223.683.967.185	1.775.454.622.167
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.775.428.465	12.495.763.576
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	11.775.428.465	12.495.763.576
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.694.967.434	2.782.816.450
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		80.565.755	168.414.771
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2.614.401.679	2.614.401.679
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.883.939.609.740	3.639.548.022.897

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.068.015.962.928	676.939.581.186
I. Nợ ngắn hạn	310		756.851.510.812	539.875.426.043
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	534.828.992.256	258.430.623.575
2. Phải trả người bán	312		190.394.893.128	194.347.290.471
3. Người mua trả tiền trước	313		-	1.305.647.133
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	14.432.190.909	40.060.390.411
5. Phải trả người lao động	315		5.174.171.160	5.481.180.990
6. Chi phí phải trả	316		1.627.534.283	962.146.640
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	3.506.973.175	32.332.664.858
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.886.755.901	6.955.481.965
II. Nợ dài hạn	330		311.164.452.116	137.064.155.143
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	311.164.452.116	137.064.155.143
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		2.815.923.646.812	2.962.608.441.711
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.815.601.766.125	2.962.116.895.762
1. Vốn cổ phần	411	17	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	6.332.468.038	6.332.468.038
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(8.541.577.222)	(8.541.577.222)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000	21.500.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.880.000.000	26.880.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	707.018.415.309	853.533.544.946
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		321.880.687	491.545.949
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		321.880.687	491.545.949
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		3.883.939.609.740	3.639.548.022.897



[Signature]
Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

[Signature]
Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

[Signature]
Phan Thị Thanh Thúy
Người lập

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	271.298.944.831	181.766.911.036
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	81.508.264.331	83.782.189.076
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		189.790.680.500	97.984.721.960
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	9.006.431.301	14.167.705.169
5. Chi phí tài chính	22	22	6.294.493.186	2.779.588.778
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.324.443.433	1.122.341.541
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.963.151.330	9.101.385.714
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25)	30		182.539.467.285	100.271.452.637
8. Thu nhập khác	31		44.556.180	6.818.180
9. Chi phí khác	32		16.635.364	2.272.000
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		27.920.816	4.546.180
11. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	45		248.905.040	523.911.291
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		182.816.293.141	100.799.910.108
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	10.128.714.778	6.755.719.211
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		172.687.578.363	94.044.190.897
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	837	465



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thúy
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	182.816.293.141	100.799.910.108
2. Điều chỉnh cho các khoản:		35.938.571.483	27.289.609.752
- Khấu hao tài sản cố định	02	39.043.211.910	38.282.093.934
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.826.252.481	1.657.247.237
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.255.336.341)	(13.772.072.960)
- Chi phí lãi vay	06	3.324.443.433	1.122.341.541
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	218.754.864.624	128.089.519.860
- Thay đổi các khoản phải thu	09	205.909.830.935	(9.116.983.849)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(6.679.013.965)	(4.913.186.081)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(46.951.630.148)	(30.559.594.640)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	126.649.926	22.622.615
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.427.018.648)	(1.172.846.481)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21.236.268.389)	(12.391.721.395)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.400.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.130.570.015)	(3.026.097.011)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	340.371.244.320	66.931.713.018
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(355.664.558.464)	(145.218.342.976)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	50.000.000
3. Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23	(303.000.000.000)	(32.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.202.133.364	15.362.435.632
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(652.462.425.100)	(161.805.907.344)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	529.083.341.692	515.739.629.777
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(81.410.928.519)	(591.669.087.905)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(309.361.869.000)	(19.656.162.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	138.310.544.173	(95.585.620.928)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(173.780.636.607)	(190.459.815.254)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	229.958.976.756	573.932.274.705
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	56.178.340.149	383.472.459.451

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

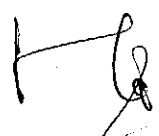
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 4.025.193.923 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán và bao gồm 103.921.970.477 VND là số tiền dùng để tạm ứng cho nhà thầu mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm trước và được nghiệm thu trong kỳ.

Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.




Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc


Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng


Phan Thị Thanh Thúy
Người lập

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 02 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 5 năm 2005 và các Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có một công ty con sở hữu 100% là Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH và một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 134 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 134 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng; dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và giao thông; thí nghiệm điện; kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; đầu tư xây dựng các dự án điện; kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư số 200 và Thông tư số 202 đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) đến ngày lập báo cáo. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

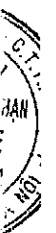
Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện hoạt động xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, thuộc mục Vốn chủ sở hữu. Hoạt động xây dựng cơ bản chủ yếu trong kỳ của Công ty bao gồm các hoạt động xây dựng nhà máy thủy điện mới Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2 và 3. Theo kế hoạch của Công ty đã cam kết với địa phương là sau khi Dự án thủy điện Thượng Kon Tum bắt đầu phát điện thì Công ty sẽ thành lập một công ty con (Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Kon Tum) để tiếp nhận vận hành và kinh doanh. Số dư khoản mục chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ được chuyển cho công ty con này khi nhà máy thủy điện này hoàn thành và đi vào hoạt động. Các chênh lệch tỷ giá khác ngoài chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản đã đề cập ở trên được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong năm 2012, Cục thuế Bình Định đã thực hiện kiểm tra hồ sơ kê khai thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2011. Tại thời điểm lập báo cáo này, Cục thuế Bình Định chưa có kết luận kiểm tra.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	182.875.765	679.227.711
Tiền gửi ngân hàng	995.464.384	20.779.749.045
Các khoản tương đương tiền (i)	55.000.000.000	208.500.000.000
	<u>56.178.340.149</u>	<u>229.958.976.756</u>

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 13, các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 55 tỷ VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 86,5 tỷ VND). Các hợp đồng tiền gửi này được hưởng lãi suất 4% đến 4,5%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác:	335.000.000.000	32.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng (i)	335.000.000.000	32.000.000.000
	<u>335.000.000.000</u>	<u>32.000.000.000</u>

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 13, các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 301,5 tỷ VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay. Các hợp đồng tiền gửi này được hưởng lãi suất từ 5,2% đến 6%/năm.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Khoản trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chủ yếu bao gồm các khoản tạm ứng cho các nhà thầu để thực hiện các hạng mục thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, chi tiết như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Andritz Hydro GmbH	-	133.980.764.861
Các nhà thầu khác	85.815.514.468	62.953.756.425
	<u>85.815.514.468</u>	<u>196.934.521.286</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi dự thu	4.687.124.446	914.666.666
Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn	15.828.219.799	-
Phải thu khác	5.098.167.451	8.033.402.414
	<u>25.613.511.696</u>	<u>8.948.069.080</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	45.001.045.188	38.946.745.182
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.733.957.835	4.109.243.876
	49.735.003.023	43.055.989.058
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.697.634.438)	(6.697.634.438)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	43.037.368.585	36.358.354.620

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hình. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hình). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dựa trên các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	2.055.609.772.893	892.523.860.417	29.038.610.673	9.157.830.718	2.986.330.074.701
Tăng trong kỳ	-	7.295.000.000	-	36.990.000	7.331.990.000
Tại ngày 30/6/2015	2.055.609.772.893	899.818.860.417	29.038.610.673	9.194.820.718	2.993.662.064.701
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	(1.252.521.316.213)	(844.973.374.211)	(24.342.877.674)	(2.747.427.150)	(2.124.584.995.248)
Khấu hao trong kỳ	(34.191.255.636)	(3.998.259.179)	(603.182.526)	(250.514.569)	(39.043.211.910)
Tăng khác	-	-	(150.139.176)	(19.526.086)	(169.665.262)
Tại ngày 30/6/2015	(1.286.712.571.849)	(848.971.633.390)	(25.096.199.376)	(3.017.467.805)	(2.163.797.872.420)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2015	768.897.201.044	50.847.227.027	3.942.411.297	6.177.352.913	829.864.192.281
Tại ngày 31/12/2014	803.888.456.680	47.550.486.206	4.695.732.999	6.410.403.568	861.745.079.453

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp các tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 291.594.433.680 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 303.477.903.264 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay.

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với tổng giá trị là 862.895.123.265 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 862.895.123.265 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	2.127.700.996.354	1.674.922.224.770
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (ii)	92.292.805.242	91.836.625.883
Khác	3.690.165.589	8.695.771.514
	<u>2.223.683.967.185</u>	<u>1.775.454.622.167</u>

Trong kỳ, tổng chi phí lãi vay vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 12.571.990.687 VND.

- (i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lồ tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kon Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTG-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32/EVN/HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN.
- (ii) Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 07 tháng 11 năm 2007.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch khách sạn, lữ hành

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng tài sản của công ty liên kết	26.101.564.301	27.209.746.893
Tổng công nợ của công ty liên kết	2.418.079.858	2.077.479.042
Giá trị tài sản thuần	<u>23.683.484.443</u>	<u>25.132.267.851</u>
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>11.775.428.465</u>	<u>12.495.763.576</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại công ty liên kết	19.500.000.000	19.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần của công ty liên kết	600.000.000	600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu tại công ty liên kết	1.973.624.493	2.067.736.800
Lợi nhuận chưa phân phối của công ty liên kết	1.609.859.950	2.964.531.051

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/6/2014</u>
	VND	VND
Doanh thu của công ty liên kết	4.556.252.403	7.187.556.942
Lợi nhuận thuần của công ty liên kết	1.140.067.299	1.047.011.889
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	248.905.040	523.911.291

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	348.396.026.616	92.832.822.660
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Gia Lai	77.899.337.496	77.899.337.496
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quy Nhơn	39.829.473.241	39.829.473.241
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kon Tum	29.897.954.000	29.897.954.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)		
Ngân hàng Phát triển Phú Yên	7.263.316.703	17.971.036.178
Raifeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft	31.542.884.200	-
	<u>534.828.992.256</u>	<u>258.430.623.575</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày giải ngân. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam, được dùng để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Trong kỳ, các khoản vay chịu lãi suất khoảng 3,6%/năm (đối với khoản vay bằng USD) và chịu lãi suất từ 5,3%/năm đến 9,5%/năm (đối với khoản vay bằng VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản vay ngắn hạn được tín chấp với số tiền vay là 167.603.700.042 VND. Các khoản vay còn lại được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi trị giá 356,5 tỷ VND.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	14.439.381.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.128.714.778	17.278.720.035
Thuế tài nguyên	4.395.615.309	3.881.229.944
Phí bảo vệ môi trường	3.848.371.600	3.691.206.200
Các loại thuế khác	59.489.222	769.852.722
	<u>14.432.190.909</u>	<u>40.060.390.411</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải trả EVN tiền hỗ trợ vốn lưu động	-	31.836.822.702
Phải trả khác	3.506.973.175	495.842.156
	<u>3.506.973.175</u>	<u>32.332.664.858</u>

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	136.187.198.585	137.064.155.143
Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft (ii)	174.977.253.531	-
	<u>311.164.452.116</u>	<u>137.064.155.143</u>

- (i) Khoản vay bằng ngoại tệ (Đô la Mỹ ("USD")) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình, bao gồm:

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31 tháng 3 và ngày 30 tháng 9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ mỗi kỳ là 83.783,01 USD; và bằng 167.566,02 USD/kỳ trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 291.594.433.680 VND để đảm bảo cho khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006.

- (ii) Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft (Cộng hòa Áo) với giá trị tối đa là 29.106.760,8 USD. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2025. Khoản vay chịu lãi suất LIBOR 6 tháng cộng 2,97% và được trả 6 tháng/lần. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng Cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo). Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 khoản vay này đã giải ngân được 9.528.913 USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

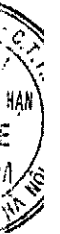
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	38.806.200.903	17.971.036.178
Trong năm thứ hai	70.349.085.103	7.120.215.851
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	133.681.435.243	21.360.647.555
Sau năm năm	107.133.931.770	108.583.291.737
	349.970.653.019	155.035.191.321
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	38.806.200.903	17.971.036.178
Số phải trả sau 12 tháng	311.164.452.116	137.064.155.143

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.062.412.460.000	6.332.468.038	21.500.000.000	26.880.000.000	501.099.719.091
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	359.272.475.855
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.826.650.000)
Chi khác	-	-	-	-	(12.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2015	2.062.412.460.000	6.332.468.038	21.500.000.000	26.880.000.000	853.533.544.946
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	172.687.578.363
Công bố chia cổ tức trong năm (i)	-	-	-	-	(309.361.869.000)
Tiền thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (ii)	-	-	-	-	(5.532.364.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(3.015.475.000)
Khác	-	-	-	-	(1.293.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	2.062.412.460.000	6.332.468.038	21.500.000.000	26.880.000.000	707.018.415.309

- (i) Theo nội dung Nghị quyết số 467/2015/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2014 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2015, phê duyệt mức chi trả cổ tức 10% năm 2013 và tạm ứng 5% cổ tức năm 2014 với số tiền 309.361.869.000 VND, tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 của Công ty mẹ với số tiền 3.015.475.000 VND.
- (ii) Theo Nghị quyết số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 trích Nghị quyết ĐHĐCĐ số 467/2015/TNQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 về việc phê duyệt mức thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty mẹ từ năm 2010 đến 2014 với số tiền 5.532.364.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cơ cấu vốn góp

	30/6/2015		31/12/2014	
	%	VND	%	VND
Tổng Công ty Phát điện 3	30,55	630.169.054.175	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	937.264.444.225
	100,00	2.062.412.460.000	100,00	2.062.412.460.000

Cổ phiếu

	30/6/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đều liên quan đến hoạt động sản xuất điện.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu bán điện trong kỳ	271.099.997.562	180.824.164.854
Doanh thu dịch vụ khác	198.947.269	942.746.182
	271.298.944.831	181.766.911.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/6/2014</u>
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	81.386.455.181	83.150.944.968
Giá vốn hoạt động khác	121.809.150	631.244.108
	<u>81.508.264.331</u>	<u>83.782.189.076</u>

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

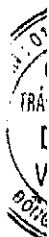
	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/6/2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	870.370.663	1.960.439.609
Chi phí nhân công	14.675.911.254	13.400.802.322
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.974.192.020	38.282.093.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.419.480.027	1.986.950.199
Chi phí khác	36.156.175.656	37.954.934.070
	<u>92.096.129.620</u>	<u>93.585.220.134</u>

22. DOANH THU VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/6/2014</u>
	VND	VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.006.431.301	14.167.705.169
	<u>9.006.431.301</u>	<u>14.167.705.169</u>
Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	3.324.443.433	1.122.341.541
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.970.049.753	1.657.247.237
	<u>6.294.493.186</u>	<u>2.779.588.778</u>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	<u>2.711.938.115</u>	<u>11.388.116.391</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty đang tạm trích lập nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2015 là 10.128.714.778 VND. Nghĩa vụ thuế này sẽ được điều chỉnh sau khi Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho cả năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	172.687.578.363	94.044.190.897
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	206.241.246	202.241.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	837	465

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 17 tháng 9 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD với Tổ hợp nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng 47, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 về việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực Dự án thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 505.583.654.488 VND. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, phần khối lượng công việc đã thực hiện khoảng 334 tỷ VND.

Ngày 15 tháng 8 năm 2012, Công ty ký Hợp đồng số 817/2012/HĐ-VSH-AH với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo) về việc cung cấp thiết bị cơ điện và dịch vụ kỹ thuật cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 35.489.858 USD. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, phần khối lượng công việc đã thực hiện khoảng 283 tỷ VND.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft (Cộng hòa Áo) với giá trị tối đa là 29.106.760,8 USD. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng Cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo). Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, khoản vay đã được giải ngân 9.528.913 USD, tương đương khoảng 206 tỷ VND.

Tiến độ thi công các hạng mục do Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G thực hiện chậm so với kế hoạch, do đó, Công ty đã chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Trong năm 2014, Công ty đã nhận được tiền bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng từ Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh với số tiền 428.260.928.498 đồng. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã hoàn thành nghiệm thu khối lượng xây lắp mà nhà thầu đã thực hiện và đang trong quá trình thực hiện bàn giao hiện trường khu vực thi công TBM và các thủ tục khác để tái khởi động các hạng mục này. Hiện tại Công ty đang trong quá trình giải quyết tranh chấp trong vụ kiện với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam. Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 28 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông 467/2015/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Nghị quyết số 702/2015/QĐ-VSH-HĐQT ngày 05 tháng 6 năm 2015 xác định các nhà thầu sau đây được chỉ định thi công các gói thầu phần còn lại của Tuyến năng lượng, dự án thủy điện Thượng Kon Tum:

- Thi công Cửa nhận nước và phần còn lại của đoạn đầu đường hầm, lý trình Km0+Km5 thuộc Tuyến năng lượng, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum là: Công ty Cổ phần Xây dựng 47.

- Thi công đường hầm dẫn nước bằng TBM (lý trình km5 ÷ Km15+449) và gia cố phần còn lại (lý trình km15+449 ÷ km17+185) thuộc Tuyến năng lượng, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum là: Liên danh nhà thầu Công ty Robbins-USA và Công ty Cổ phần Xây dựng 47.

- Thi công phần khối lượng còn lại nhà máy, bao gồm các hạng mục: buồng điều áp, hầm áp lực, hầm thông gió chính, gian máy biến áp, nhà máy điện chính, hầm xả, hầm giao thông và trạm phân phối thuộc Tuyến năng lượng, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum là: Công ty Cổ phần Sông Đà 10.

Công ty hiện đang thực hiện các thủ tục lựa chọn các nhà thầu để thi công các gói thầu nêu trên của Tuyến năng lượng do nhà thầu Trung Quốc thi công trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	845.993.444.372	395.494.778.718
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.178.340.149	229.958.976.756
Nợ thuần	789.815.104.223	165.535.801.962
Vốn chủ sở hữu	<u>2.815.923.646.812</u>	<u>2.962.608.441.711</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,28	0,06

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

	Giá trị ghi sổ	
	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.178.340.149	229.958.976.756
Phải thu khách hàng và phải thu khác	288.902.914.444	490.818.124.428
Đầu tư ngắn hạn	335.000.000.000	32.000.000.000
Tổng cộng	<u>680.081.254.593</u>	<u>752.777.101.184</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	845.993.444.372	395.494.778.718
Phải trả người bán và phải trả khác	193.901.866.303	226.679.955.329
Chi phí phải trả	1.627.534.283	962.146.640
Tổng cộng	<u>1.041.522.844.958</u>	<u>623.136.880.687</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	349.970.653.019	155.035.191.321	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ (USD) so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng 10,5 tỷ VND (năm 2014: 4,65 tỷ VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì chi phí lãi vay trong kỳ của Công ty (bao gồm chi phí lãi vay ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh và lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang) sẽ tăng/giảm 10,73 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Khoản phải thu khách hàng của Công ty đến từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (một bên liên quan) với số tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 262.991.358.748 VND. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
30/6/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.178.340.149	-	56.178.340.149
Phải thu khách hàng và phải thu khác	288.902.914.444	-	288.902.914.444
Đầu tư ngắn hạn	335.000.000.000	-	335.000.000.000
Tổng cộng	680.081.254.593	-	680.081.254.593
30/6/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	193.901.866.303	-	193.901.866.303
Chi phí phải trả	1.627.534.283	-	1.627.534.283
Các khoản vay	534.828.992.256	311.164.452.116	845.993.444.372
Tổng cộng	730.358.392.842	311.164.452.116	1.041.522.844.958
Chênh lệch thanh khoản thuần	(50.277.138.249)	(311.164.452.116)	(361.441.590.365)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
31/12/2014	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	229.958.976.756	-	229.958.976.756
Phải thu khách hàng và phải thu khác	490.818.124.428	-	490.818.124.428
Đầu tư ngắn hạn	32.000.000.000	-	32.000.000.000
Tổng cộng	752.777.101.184	-	752.777.101.184
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	226.679.955.329	-	226.679.955.329
Chi phí phải trả	962.146.640	-	962.146.640
Các khoản vay	258.430.623.575	137.064.155.143	395.494.778.718
Tổng cộng	486.072.725.544	137.064.155.143	623.136.880.687
Chênh lệch thanh khoản thuần	266.704.375.640	(137.064.155.143)	129.640.220.497

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, mặc dù số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính; tuy nhiên, Ban Giám đốc đã có kế hoạch tài chính trong tương lai và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Phát điện 3	Cổ đông lớn
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của Tổng Công ty Phát điện 3
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	Công ty liên kết

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/6/2014</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	271.099.997.562	180.824.164.854
Cổ tức		
Số cổ tức trả trong kỳ (bằng tiền hoặc bù trừ công nợ):		
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	94.525.422.000	25.206.779.200
Cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	74.246.895.000	19.799.172.000
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	969.240.151	969.543.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	262.991.358.748	481.052.850.748

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/6/2014</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	952.731.615	977.370.000

28. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 04 tháng 9 năm 2014, Công ty đã nhận được Thông báo số 526/VIAC của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC") về vụ kiện số 24/14 liên quan tới Hợp đồng số 885/2010/HD-VSH-TH Thiết kế và thi công Tuyến năng lượng giai đoạn 2 dự án Thượng Kon Tum trong đó nguyên đơn là Tổ hợp nhà thầu Hydro China Huadong - CR18G (Trung Quốc), bị đơn là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình. Giai đoạn xét xử dự kiến vào khoảng giữa năm 2016. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không trích lập dự phòng cho khoản công nợ tiềm tàng của vụ kiện này trên báo cáo tài chính do kết quả của vụ kiện chưa được xác định.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thúy
Người lập